

Số: /2023/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống rửa tiền

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Phòng, chống rửa tiền ngày 15 tháng 11 năm 2022;

Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống rửa tiền.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết một số điều, khoản của Luật Phòng, chống rửa tiền về nguyên tắc, tiêu chí, phương pháp đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền; nhận biết khách hàng; chủ sở hữu hưởng lợi; giao dịch có giá trị lớn bất thường hoặc phức tạp; trách nhiệm cung cấp thông tin, hồ sơ, tài liệu, báo cáo; thu thập, xử lý và phân tích thông tin phòng, chống rửa tiền; trao đổi, cung cấp, chuyển giao thông tin phòng, chống rửa tiền với cơ quan có thẩm quyền trong nước; áp dụng biện pháp trì hoãn giao dịch.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Tổ chức tài chính.
- Tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành, nghề phi tài chính có liên quan.
- Tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức nước ngoài, người nước ngoài, tổ chức quốc tế có giao dịch với tổ chức tài chính, tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành, nghề phi tài chính có liên quan.
- Tổ chức, cá nhân khác và các cơ quan có liên quan đến phòng, chống rửa tiền.

Chương II
NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ
Mục 1
ĐÁNH GIÁ RỦI RO QUỐC GIA

Điều 3. Nguyên tắc đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền

1. Đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền phải xác định được mức độ rủi ro về rửa tiền của quốc gia.
2. Kết quả đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền được sử dụng để xây dựng kế hoạch thực hiện sau đánh giá và cập nhật chính sách, chiến lược về phòng, chống rửa tiền tương ứng trong từng thời kỳ.
3. Đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền được thực hiện trên cơ sở quy định pháp luật phù hợp với chuẩn mực quốc tế và điều kiện thực tiễn của Việt Nam.

Điều 4. Tiêu chí, phương pháp đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền

1. Tiêu chí đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền tối thiểu bao gồm tiêu chí nguy cơ rửa tiền, tiêu chí mức độ phù hợp của các chính sách, biện pháp phòng, chống rửa tiền và tiêu chí hậu quả rửa tiền của quốc gia và ngành, lĩnh vực (tiêu chí cấp 1).
 2. Tiêu chí nguy cơ rửa tiền tối thiểu bao gồm nguy cơ rửa tiền của tội phạm nguồn của tội rửa tiền; nguy cơ rửa tiền đối với ngành, lĩnh vực; xuất xứ nguy cơ rửa tiền (Tiêu chí cấp 2).
 - a) Tiêu chí nguy cơ rửa tiền của tội phạm nguồn của tội rửa tiền tối thiểu bao gồm các tiêu chí về nguy cơ rửa tiền của từng tội phạm nguồn được đánh giá (Tiêu chí cấp 3);
 - b) Tiêu chí nguy cơ rửa tiền đối với ngành, lĩnh vực tối thiểu bao gồm các tiêu chí về nguy cơ rửa tiền của từng ngành, lĩnh vực được đánh giá (Tiêu chí cấp 3);
 - c) Tiêu chí xuất xứ nguy cơ rửa tiền tối thiểu bao gồm các tiêu chí về nguy cơ rửa tiền ở trong nước và xuyên biên giới (Tiêu chí cấp 3).
 3. Tiêu chí mức độ phù hợp của các chính sách, biện pháp phòng, chống rửa tiền tối thiểu bao gồm tính toàn diện của khuôn khổ pháp lý và tính hiệu quả của việc thực hiện khuôn khổ pháp lý (Tiêu chí cấp 2).
 - a) Tiêu chí tính toàn diện của khuôn khổ pháp lý tối thiểu bao gồm các tiêu chí về tính đầy đủ của các quy định pháp luật liên quan đến phòng, chống rửa tiền theo ngành, lĩnh vực; tiêu chí về tính đầy đủ của các quy định pháp luật liên quan đến phòng, chống rửa tiền của quốc gia (Tiêu chí cấp 3);
 - b) Tiêu chí tính hiệu quả của việc thực hiện khuôn khổ pháp lý của quốc gia tối thiểu bao gồm các tiêu chí về hiệu quả thực hiện các biện pháp phòng, chống rửa tiền; hoạt động đăng ký, cấp phép, giám sát, thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử và thu hồi tài sản về tội rửa tiền, tội phạm nguồn phổ biến của tội rửa tiền; mức độ

hiểu biết, tuân thủ các quy tắc, chuẩn mực nghề nghiệp của cá nhân, tổ chức có trách nhiệm liên quan về phòng, chống rửa tiền; các nguồn thông tin sẵn có và khả năng tiếp cận của cơ quan có thẩm quyền, tổ chức, cá nhân trong công tác phòng, chống rửa tiền và các thông tin, số liệu, dữ liệu khác phù hợp với chuẩn mực quốc tế và điều kiện thực tiễn của quốc gia (Tiêu chí cấp 3);

c) Tiêu chí tính hiệu quả của việc thực hiện khuôn khổ pháp lý theo ngành, lĩnh vực tối thiểu bao gồm các tiêu chí nêu tại điểm b Điều này theo ngành, lĩnh vực và tiêu chí mức độ phù hợp của các chính sách biện pháp phòng, chống rửa tiền gắn với một số sản phẩm, dịch vụ chính của ngành, lĩnh vực (Tiêu chí cấp 3).

4. Tiêu chí hậu quả của rửa tiền tối thiểu bao gồm các tiêu chí cấp 2 sau đây:

- a) Tiêu chí tác động tiêu cực do rửa tiền gây ra đối với nền kinh tế;
- b) Tiêu chí tác động tiêu cực do rửa tiền gây ra đối với hệ thống tài chính;
- c) Tiêu chí tác động tiêu cực do rửa tiền gây ra đối với ngành, lĩnh vực;
- d) Tiêu chí tác động tiêu cực do rửa tiền gây ra đối với xã hội.

5. Phương pháp đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền gồm phương pháp chấm điểm; phương pháp chuyên gia hoặc phương pháp chấm điểm kết hợp với phương pháp chuyên gia.

Mục 2

NHẬN BIẾT, BÁO CÁO VÀ LƯU GIỮ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

Điều 5. Nhận biết khách hàng

1. Tổ chức tài chính phải nhận biết khách hàng trong các trường hợp sau:

a) Khi khách hàng lần đầu mở tài khoản, bao gồm tài khoản thanh toán, ví điện tử và các loại tài khoản khác hoặc khi khách hàng lần đầu thiết lập mối quan hệ với tổ chức tài chính nhằm sử dụng sản phẩm, dịch vụ do tổ chức tài chính cung cấp;

b) Khi khách hàng thực hiện giao dịch không thường xuyên (trừ giao dịch tất toán tiết kiệm, trả nợ thẻ tín dụng, trả nợ khoản cấp tín dụng cho tổ chức tài chính, khoản thanh toán định kỳ đã đăng ký với tổ chức tài chính...) có tổng giá trị từ 300.000.000 đồng hoặc bằng ngoại tệ có giá trị tương đương trở lên trong một ngày. Giao dịch không thường xuyên là giao dịch của khách hàng không có tài khoản hoặc có tài khoản, ví điện tử nhưng không giao dịch trong thời gian 6 tháng liên tục trước đó.

2. Tổ chức, cá nhân kinh doanh trò chơi có thưởng, bao gồm: trò chơi điện tử có thưởng; trò chơi trên mạng viễn thông, mạng Internet; casino; xổ số; đặt cược phải nhận biết khách hàng khi khách hàng thực hiện giao dịch với tổng giá trị từ 60.000.000 đồng hoặc bằng ngoại tệ có giá trị tương đương trở lên trong một ngày.

3. Tổ chức, cá nhân kinh doanh bất động sản, trừ hoạt động cho thuê, cho thuê lại bất động sản và dịch vụ tư vấn bất động sản phải nhận biết khách hàng đối với bên mua, bên bán trong hoạt động môi giới mua, bán bất động sản; đối với chủ sở hữu tài sản trong việc cung cấp dịch vụ quản lý bất động sản.
4. Tổ chức, cá nhân kinh doanh kim khí quý và đá quý phải nhận biết khách hàng khi khách hàng thực hiện giao dịch bằng tiền mặt mua hoặc bán kim khí quý, đá quý có giá trị từ 300.000.000 đồng hoặc bằng ngoại tệ tiền mặt có giá trị tương đương trở lên trong một ngày.
5. Tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ thỏa thuận pháp lý phải nhận biết khách hàng khi thực hiện các giao dịch cho khách hàng liên quan đến thành lập, điều hành hoặc quản lý các thỏa thuận pháp lý.
6. Tổ chức, cá nhân khi cung cấp dịch vụ thành lập, quản lý, điều hành doanh nghiệp phải nhận biết khách hàng khi khách hàng sử dụng hoặc yêu cầu sử dụng dịch vụ.
7. Tổ chức, cá nhân khi cung cấp dịch vụ giám đốc, thư ký công ty cho bên thứ ba phải nhận biết khách hàng đối với bên thứ ba và người giám đốc hoặc thư ký đó.

Điều 6. Chủ sở hữu hưởng lợi

1. Đối tượng báo cáo xác định chủ sở hữu hưởng lợi đối với khách hàng là cá nhân như sau:
 - a) Trường hợp khách hàng mở tài khoản, đối tượng báo cáo xác định cá nhân sở hữu thực tế một tài khoản hoặc chi phối hoạt động của tài khoản đó;
 - b) Trường hợp khách hàng thiết lập mối quan hệ với đối tượng báo cáo, đối tượng báo cáo xác định cá nhân thiết lập mối quan hệ và thực tế chi phối mối quan hệ đó.
2. Đối tượng báo cáo xác định chủ sở hữu hưởng lợi đối với khách hàng là tổ chức như sau:
 - a) Đối tượng báo cáo xác định cá nhân thực tế nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 25% vốn điều lệ trở lên của tổ chức đó hoặc cá nhân thực tế có quyền chi phối đối với khách hàng tổ chức;
 - b) Trường hợp không xác định được cá nhân theo quy định tại điểm a Khoản này, đối tượng báo cáo xác định ít nhất một người đại diện theo pháp luật của tổ chức, trừ trường hợp cá nhân đại diện vốn nhà nước trong tổ chức;
 - c) Trường hợp tổ chức là doanh nghiệp đã niêm yết trên các thị trường chứng khoán trong nước và nước ngoài, đồng thời thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của tổ chức đã được công bố, đối tượng báo cáo xác định chủ sở hữu hưởng lợi là cá nhân được công bố đó.
3. Đối với thỏa thuận pháp lý, đối tượng báo cáo xác định chủ sở hữu hưởng lợi là cá nhân chi phối, thụ hưởng thực tế trong thỏa thuận pháp lý.

4. Đối tượng báo cáo xác định chủ sở hữu hưởng lợi của hợp đồng bảo hiểm nhân thọ là cá nhân thực tế thụ hưởng quyền lợi của người được bảo hiểm trong hợp đồng bảo hiểm nhân thọ.

Điều 7. Giao dịch với giá trị lớn bất thường hoặc phức tạp

1. Giao dịch có giá trị lớn bất thường là giao dịch có giá trị lớn hơn gấp nhiều lần với thu nhập hoặc cao hơn gấp nhiều lần với thu nhập thường xuyên.
2. Giao dịch phức tạp là giao dịch thực hiện thông qua nhiều bên trung gian, nhiều tài khoản, nhiều ví điện tử không cần thiết; giao dịch thực hiện giữa nhiều tài khoản, nhiều ví điện tử khác nhau của cùng một chủ tài khoản tại các khu vực địa lý khác nhau.

Điều 8. Trách nhiệm cung cấp thông tin, hồ sơ, tài liệu, báo cáo

Đối tượng báo cáo phải cung cấp kịp thời thông tin, hồ sơ, tài liệu, báo cáo quy định tại khoản 1 Điều 38 Luật Phòng, chống rửa tiền cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền sau:

1. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan thực hiện chức năng, nhiệm vụ phòng, chống rửa tiền).
2. Cơ quan điều tra, cơ quan được giao tiến hành một số hoạt động điều tra có thẩm quyền theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự và pháp luật có liên quan.

Mục 3

THU THẬP, XỬ LÝ, PHÂN TÍCH, TRAO ĐỔI, CUNG CẤP VÀ CHUYỂN GIAO THÔNG TIN VỀ PHÒNG, CHỐNG RỬA TIỀN

Điều 9. Thu thập, xử lý và phân tích thông tin phòng, chống rửa tiền

1. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, hồ sơ, tài liệu, báo cáo lưu trữ tại tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật và thông tin, hồ sơ, tài liệu tổ chức, cá nhân tiếp nhận, thu thập được trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn để phục vụ công tác phân tích, trao đổi, cung cấp và chuyển giao thông tin về phòng, chống rửa tiền.
2. Tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ số lượng, loại thông tin, hồ sơ, tài liệu, báo cáo theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Điều 10. Trao đổi, cung cấp, chuyển giao thông tin phòng, chống rửa tiền với cơ quan có thẩm quyền trong nước

1. Cơ sở hợp lý để nghi ngờ giao dịch được nêu trong thông tin, báo cáo liên quan đến rửa tiền, bao gồm:
 - a) Giao dịch có liên quan đến tổ chức, cá nhân nằm trong Danh sách đen;

b) Giao dịch liên quan đến tổ chức, cá nhân đang là đối tượng bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan tiến hành tố tụng của Việt Nam và của quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới;

c) Giao dịch liên quan đến tội phạm đã bị kết án theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự;

d) Kết quả phân tích thông tin giao dịch đáng ngờ có liên quan đến rửa tiền.

2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chuyển giao các thông tin báo cáo quy định tại khoản 1 điều này cho các cơ quan có thẩm quyền như sau:

a) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chuyển giao cho Bộ Công an giao dịch của tổ chức, cá nhân có liên quan đến khủng bố, tài trợ khủng bố trong Danh sách đen; Giao dịch của tổ chức, cá nhân đang là đối tượng bị điều tra, khởi tố của các cơ quan tiến hành tố tụng của Việt Nam và của quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới; Giao dịch liên quan đến tội phạm đã bị kết án theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự; thông tin giao dịch đáng ngờ có liên quan đến rửa tiền.

b) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chuyển giao cho Bộ Quốc phòng giao dịch của tổ chức, cá nhân có liên quan đến danh sách tổ chức, cá nhân bị chỉ định có liên quan đến phổ biến và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt trong Danh sách đen; Giao dịch của tổ chức, cá nhân thuộc lực lượng quân đội nhân dân Việt Nam đang là đối tượng bị điều tra, khởi tố của cơ quan tiến hành tố tụng của lực lượng quân đội nhân dân Việt Nam; Giao dịch của tổ chức, cá nhân liên quan đến tội phạm thuộc lực lượng quân đội nhân dân Việt Nam đã bị kết án theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự; thông tin giao dịch đáng ngờ có liên quan đến rửa tiền của tổ chức, cá nhân thuộc lực lượng quân đội nhân dân Việt Nam.

c) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chuyển giao cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao giao dịch của tổ chức, cá nhân đang là đối tượng bị khởi tố, điều tra, truy tố tội xâm phạm hoạt động tư pháp, tội phạm về tham nhũng, chức vụ theo quy định của pháp luật hình sự thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

d) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chuyển giao cho Tòa án nhân dân tối cao các giao dịch của tổ chức, cá nhân đang là đối tượng bị cơ quan tố tụng trong nước và nước ngoài xét xử.

đ) Chuyển giao cho cơ quan điều tra, cơ quan được giao tiến hành một số hoạt động điều tra khác ngoài các cơ quan quy định tại điểm a, điểm b, điểm c và điểm d Khoản 2 Điều này thông tin giao dịch đáng ngờ có liên quan đến rửa tiền theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của các cơ quan này theo quy định của pháp luật.

3. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có trách nhiệm phối hợp, trao đổi thông tin về phòng, chống rửa tiền theo yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có trách nhiệm trao đổi, cung cấp thông tin và trao đổi, cung cấp thông tin theo yêu cầu của các Bộ, ngành có liên quan nhằm mục đích phòng, chống rửa tiền.

5. Cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này có trách nhiệm phản hồi cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam kết quả xử lý thông tin được trao đổi, cung cấp, chuyển giao.

Mục 4

ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP TẠM THỜI

Điều 11. Áp dụng biện pháp trì hoãn giao dịch

1. Căn cứ để nghi ngờ hoặc phát hiện các bên liên quan tới giao dịch thuộc Danh sách đen nhằm mục đích trì hoãn giao dịch gồm:

a) Cá nhân, tổ chức liên quan tới giao dịch có thông tin trùng khớp toàn bộ với thông tin của tổ chức, cá nhân thuộc Danh sách đen;

b) Cá nhân liên quan tới giao dịch có ít nhất các thông tin: họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; quốc tịch; số Chứng minh nhân dân, số Căn cước công dân, số định danh cá nhân hoặc số Hộ chiếu trùng khớp với thông tin của cá nhân thuộc Danh sách đen.

c) Tổ chức liên quan tới giao dịch có ít nhất các thông tin: tên giao dịch; số giấy phép thành lập, mã số doanh nghiệp hoặc mã số thuế trùng khớp với thông tin của tổ chức thuộc Danh sách đen.

2. Khi áp dụng biện pháp trì hoãn giao dịch, đối tượng báo cáo phải báo cáo ngay:

a) Cơ quan phòng, chống khủng bố Công an cấp tỉnh đối với tổ chức, cá nhân liên quan tới khủng bố, tài trợ khủng bố; Cơ quan công an cấp tỉnh đối với tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động tội phạm nơi đối tượng báo cáo thực hiện trì hoãn giao dịch.

b) Cơ quan đầu mối quốc gia về phòng, chống phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt thuộc Bộ Quốc phòng và Đơn vị đầu mối của Bộ Công an về phòng, chống phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt đối với tổ chức, cá nhân liên quan tới phổ biến và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt nơi đối tượng báo cáo thực hiện trì hoãn giao dịch;

c) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để phối hợp.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2023.

2. Nghị định này thay thế Nghị định số 116/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về phòng, chống rửa tiền; Nghị định số 87/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 116/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về phòng, chống rửa tiền.

Điều 13. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN; các PCN, Trợ lý TTCP, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTT (3b).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG